

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09-9-2025
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

- ông Nguyễn Văn Lên;
- ông Phan Văn Truệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Tây Ninh.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 19/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1984; CCCD số: 080184006865.

- Bị đơn: Ông Lê Minh T, sinh năm 1982; CCCD số: 080082020135

Cùng địa chỉ: ấp M, xã B, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Năm 2009, bà Nguyễn Thị Kim N và ông Lê Minh T xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện M, tỉnh Long An vào năm 2010. Đời sống chung vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung; đã sống ly thân từ tháng 02/2025 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà N yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung tên: Lê Thị Huyền T1, sinh ngày 13/5/2010 và Lê Minh T2, sinh ngày 12/5/2013. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi 02 con; không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung với ông T.

Bị đơn ông Lê Minh T trình bày:

Về hôn nhân: Bà N yêu cầu ly hôn thì ông T không đồng ý.

Về con chung: Ông T với bà N có 02 con chung tên: Lê Thị Huyền T1, sinh ngày 13/5/2010 và Lê Minh T2, sinh ngày 12/5/2013. Sau khi ly hôn, ông T yêu cầu được nuôi 02 con; không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự đề nghị Tòa án không hòa giải nên vụ án không hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu và ý kiến như đã trình bày.

Ông T vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Kim N khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với ông Lê Minh T. Căn cứ theo Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Tây Ninh theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Ông Lê Minh T vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Nguyên đơn bà N yêu cầu ly hôn với ông T; yêu cầu nuôi con chung; không yêu cầu cấp dưỡng. Bị đơn ông T không đồng ý ly hôn; yêu cầu nuôi con chung; không yêu cầu cấp dưỡng; các đương sự không yêu cầu chia tài sản chung và xác định không có nợ chung với nhau. Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả theo quy định pháp luật.

[4] Về yêu cầu ly hôn: Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Lê Minh T xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện M, tỉnh Long An (nay là xã

B, tỉnh Tây Ninh) vào ngày 26/4/2010 là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N với ông T do đời sống chung không hòa hợp; tính tình không hợp nhau; đã sống ly thân từ tháng 2/2025 đến nay. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà N với ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Bà N và ông T có 02 con chung tên Lê Thị Huyền T1, sinh ngày 13/5/2010 và Lê Minh T2, sinh ngày 12/5/2013. Sau khi ly hôn, bà N và ông T đều yêu cầu được nuôi 02 con. Xét thấy, từ khi phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thì các con do ông T trực tiếp nuôi dưỡng, đã ổn định đời sống, tinh thần và tại phiên tòa bà N đồng ý để ông T tiếp tục nuôi con nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung sau khi ly hôn, cần giao các con cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên bà N không phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

[7] Về tài sản chung: Không yêu cầu chia tài sản chung nên không xem xét.

[8] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung với nhau.

[9] Về án phí: Bà N phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 53, 56, 81, 82, 83, 84, 85 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim N đối với ông Lê Minh T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với ông Lê Minh T.

- *Về con chung:* Bà N và ông T có 02 con chung tên Lê Thị Huyền T1, sinh ngày 13/5/2010 và Lê Minh T2, sinh ngày 12/5/2013; ông T đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, ông T có quyền trực tiếp nuôi hai con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Bà N không phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc

thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Các đương sự xác định không có nợ chung với nhau.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn; chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên số 0001243 ngày 21 tháng 7 năm 2025 của C cục hành án dân sự thị xã K, tỉnh Long An (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh) sang thi hành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV8-Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh/P.THADS KV8-Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã Bình Hòa, tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Phương